

YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Đơn vị tư vấn, đơn vị thẩm định)

Bệnh viện 331 (gọi tắt là chủ đầu tư) có kế hoạch tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E- HSDT, thẩm định E- HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm văn phòng phẩm + in ấn 2024 của Bệnh viện 331. Thuộc dự toán: Mua sắm văn phòng phẩm + in ấn 2024 của Bệnh viện 331.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện 331.
- Địa chỉ: 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ds Trần Thị Cẩm Nhung.
- Chức vụ: Trưởng khoa Dược, TTB, VTYT; SĐT: 0905387887.
- Địa chỉ email: 331duoc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược Bệnh viện 331 Địa chỉ: 818 Phạm Văn Đồng, Pleiku, Gia Lai.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h 00p ngày 16 tháng 7 năm 2024 đến trước 17h00p ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Gói thầu: Mua sắm văn phòng phẩm + in ấn 2024 của Bệnh viện 331. Thuộc dự toán: Mua sắm văn phòng phẩm + in ấn 2024 của Bệnh viện 331 với những nội dung cụ thể như sau:

- Tư vấn lập E- HSMT, đánh giá E- HSDT: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thẩm định KQLCNT: 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Hình thức đấu của gói thầu mua sắm văn phòng phẩm + in ấn 2024 của Bệnh viện 331: Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng, bao gồm 17 lô/phần (130 danh mục). *Phụ lục chi tiết kèm theo.*

Bệnh viện 331 kính mời tất cả các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tham gia các gói thầu trên.

Khi nộp báo giá nhà thầu nộp giấy phép đăng ký kinh doanh, hồ sơ năng lực của đơn vị mình.

Trân trọng thông báo và kính mời./

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: TĐT.

**KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



BSCKII. Vũ Trọng Dũng



Phụ lục

(Kèm theo thư mời số: M&YCBG. RQ2400002836, ngày 16 tháng 7 năm 2024).

STT	Danh mục hàng hóa	Kích thước; Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	PHẦN BÚT - THUỐC				
1	Bút bi ProOffice (mực xanh)	20 cây/ Hộp	Cây	3.630	
2	Bút mực nước Gel B Thiên Long GEL - B01 (Mực xanh)	12 cây/ Hộp	Cái	12	
3	Bút mực nước Gel B Thiên Long GEL - B01 (Mực đỏ)	12 cây/ Hộp	Cái	20	
4	Bút bi xanh BP105B	12 cây/ Hộp	Cây	145	
5	Bút chì		Cây	30	
6	Bút Highlighter		Cây	35	
7	Bút dính bàn		Cây	49	
8	Bút đỏ ProOffice	20 cây/ Hộp	Cây	133	
9	Bút đen	12 cây/ Hộp	Cây	47	
10	Bút ký	Hộp/12 cây	Hộp	3	
11	Bút lông dầu (Mực xanh)	12 cây/ Hộp	Cây	289	
12	Bút lông dầu (Mực đỏ)	12 cây/ Hộp	Cây	20	
13	Bút lông bảng		Cây	90	
14	Bút xóa nước	Cây/12ml	Cây	37	
15	Thuốc kẻ 50F		Cái	26	
16	Thuốc kẻ 20F		Cái	27	
II	PHẦN BÀN BẮM				
1	Bàn bấm lớn, dập ghim đại có trợ lực	Lực đóng 210 tờ	Cái	2	
2	Bàn bấm số 10		Cái	28	
3	Bàn bấm số 3		Cái	31	
4	Bàn đục 2 lỗ		Cái	2	
III	PHẦN BĂNG DÍNH				
1	Băng dính 2 mặt	Cuộn/2.5cm	Cuộn	66	
2	Băng dính gáy xanh	Cuộn/5cm/ Dài 18m	Cuộn/ 5cm	69	
3	Băng dính cuộn trong	Cuộn/5cm	Cuộn	42	
4	Băng dính cuộn trong	Cuộn/1cm	Cuộn	23	
IV	PHẦN GHIM BẮM - GỠ GIM				
1	Ghim bấm số 10	Hộp/1000pcs	Hộp	303	
2	Ghim bấm số 3	Hộp/1000pcs	Hộp	97	
3	Ghim bấm 23/10	Hộp/1000pcs	Hộp	10	
4	Dập ghim Deli 23/813	Hộp/1000pcs	Hộp	5	
5	Dập ghim Deli 23/10	Hộp/1000pcs	Hộp	5	
6	Dập ghim Deli 23/13	Hộp/1000pcs	Hộp	5	
7	Ghim kẹp tam giác	Hộp/75 pcs	Hộp	80	
8	Gỡ ghim		cái	5	
V	PHẦN BÌ NÚT - CẬP HỒ SƠ				
1	Bì nút		Cái	485	

STT	Danh mục hàng hóa	Kích thước; Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
2	Bì zip (8cm*12cm)	670- 680 cái/1kg	Kg	15	
3	Bìa trình ký A4 có nắp		Cái	8	
4	Bìa hộp 20 cm		Cái	3	
5	Cặp hồ sơ 12 ngăn		Cái	8	
6	Cặp hồ sơ có dây 10F	10F	Cái	40	
7	Cặp hồ sơ có dây 15F	15F	Cái	175	
8	Dao rọc giấy		Cái	10	
VI	PHẦN DÂY THUN - DÂY RÚT				
1	Dây nhựa rút 8*350mm	khoảng 70 cái/ bì	Bì	16	
2	Dây nhựa rút 5*250mm	khoảng 70 cái/ bì	Bì	16	
3	Dây thun (vòng lớn)	Bì/250gr	Bì	16	
4	Dây thun (vòng nhỏ)	Bì/500g	Bì	10	
VII	PHẦN GIẤY				
1	Giấy bìa tệp (màu xanh trơn, không in hoa)	Tệp/100 tờ	Tệp	17	
2	Giấy gói thuốc màu trắng KT 40cm*40cm		Tờ	25.000	
3	Giấy in nhiệt		Cuộn	210	
4	Khăn giấy vuông	Gói/100 tờ	Gói	1.000	
5	Khăn giấy cuộn lớn	Cuộn/800g	Cuộn	10	
6	Giấy nhớ	4 màu (75mm*75mm)	Tệp	115	
7	Giấy nhớ (Nhựa)	5 màu (12mm*45mm)	Cuộn	25	
8	Giấy nhớ khổ lớn	102mm*152mm	Cuộn	21	
9	Giấy than	A4	Tệp	4	
VIII	PHẦN KẸP				
1	Kẹp bướm 15 mm (12 cái)	Hộp/12 cái	Hộp	84	
2	Kẹp bướm 25mm	Hộp/12 cái	Hộp	76	
3	Kẹp bướm 32mm	Hộp/12 cái	Hộp	71	
4	Kẹp bướm 51 mm	Hộp/12 cái	Hộp	52	
5	Kẹp đầu giường		Cái	90	
IX	PHẦN PIN				
1	Pin đại	Cái/1.5V	Cặp	5	
2	Pin trung	Cái/1.5V	Cặp	25	
3	Pin vuông	Cái/9V	Cái	5	
4	Pin tiểu	Cái/1.5V	Cặp	2.000	
5	Pin đũa	Cái/1.5V	Cặp	500	
6	Pin tròn	CR2450/3V	Viên	4	
X	PHẦN SỔ + VỞ				
1	Sổ Ô ly kt 30x20	Quyển/200 trang	Quyển	6	
2	Sổ kẻ ngang kt 30x20	Quyển/200 trang	Quyển	62	
3	Sổ tay kt 23*16		Quyển	38	
4	Sổ Công văn đi đến		Quyển	5	

STT	Danh mục hàng hóa	Kích thước; Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
3	Bệnh án truyền nhiễm A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	1.000	
4	Bệnh án ngoại khoa A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	2.000	
5	Bệnh án sản khoa A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	1.000	
6	Bệnh án Phụ khoa A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	500	
7	Bệnh án Răng hàm mặt A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	200	
8	Bệnh án Tai mũi họng A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	200	
9	Bệnh án ngoại trú Răng hàm mặt A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	3.000	
10	Bệnh án ngoại trú chung A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	2.000	
11	Bệnh án nội trú Y học cổ truyền A3-2M		Tờ	2.000	
12	Bệnh án Ngoại trú Y học cổ truyền A3-2M		Tờ	4.000	
13	*Phiếu chăm sóc cấp 2-3 (A4-2M)		Tờ	15.000	
14	Phiếu tổng hợp dịch vụ kỹ thuật	21*29,7cm. Màu in ruột: 1/0.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	3.000	
15	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng bệnh Nhi		Tờ	2.000	
16	Phiếu sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng người bệnh Nội trú		Tờ	10.000	
17	Phiếu bảng kiểm An toàn phẫu thuật		Tờ	3.000	
18	Giấy khám sức khỏe lái xe A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	2.000	
19	Giấy khám sức khỏe xin việc trên 18 tuổi	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	2.000	
20	Giấy khám sức khỏe xin việc dưới 18 tuổi	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bải bằng 70g/m2	Tờ	2.000	
21	Bì đựng film Xquang 30*23cm		Bì	15.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Kích thước; Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5	Vở ô ly	Quyển/96 trang	Quyển	59	
XI	PHẦN KHÁC				
1	Dụng cụ lau bảng		Cái	7	
2	Đèn soi hòng (Ánh sáng trắng)		Cái	11	
3	Bì kiếng	A4; Tệp/100 tờ	Tệp	8	
4	File 100 lá tài liệu		Quyển	37	
5	Móc dính tường		Cái	115	
6	Mực dầu đỏ	Lọ/30ml	Lọ	16	
7	Mực dầu xanh	Lọ/30ml	Lọ	32	
8	Ruy băng máy in kim 12.7mm*10m		Hộp	10	
9	Tẩy bút chì		Cái	24	
10	Gọt bút chì		Cái	17	
11	Hồ dán	Lọ/30ml	Lọ	1.013	
12	Hồ dán khô	Lọ/9g	Lọ	223	
13	Hộp lưới dao rọc giấy		Hộp	2	
14	Hộp đựng hồ sơ F4	35cm*24cm*20	Cái	6	
15	Kệ đựng 2 tầng trượt mica Xukiva 1692			1	
16	Kệ đựng hồ sơ 3 ngăn		Cái	15	
17	Kéo văn phòng SC-501 Class hoặc tương đương		Cái	32	
XII	PHẦN GIẤY A3				
	Giấy A3	Ram/500 tờ	Ram	12	
XIII	PHẦN GIẤY A4				
	Giấy A4	Ram/500 tờ	Ram	2.007	
XIV	PHẦN GIẤY A5				
	Giấy A5	Ram/500 tờ	Ram	1.457	
XV	PHẦN GIẤY A4 IN ẢNH				
	Giấy A4 in ảnh 135gA4/100s	Ram/100 tờ	Ram	337	
XVI	PHẦN TÚI NILON TỰ PHÂN HỦY				
1	Túi nilon tự phân hủy sinh học (17cm*25cm)	180 cái /1kg	Kg	80	
2	Túi nilon tự phân hủy sinh học (20cm*30cm)	150 cái/1kg	Kg	120	
3	Túi nilon tự phân hủy sinh học (25cm*38cm)	150 cái/1kg	Kg	120	
4	Túi nilon tự phân hủy sinh học (33.7cm*60cm)	50 cái/1kg	Kg	150	
XVII	PHẦN IN ẤN				
1	Bệnh án Nội khoa A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bãi bằng 70g/m2	Tờ	3.000	
2	Bệnh án nhi khoa A3-2M	29,7*42cm. Màu in ruột: 1/1.Giấy bãi bằng 70g/m2	Tờ	2.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Kích thước; Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
22	Sổ bàn giao thuốc A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/0. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	20	
23	Sổ bàn giao vật tư A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/0. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	20	
24	Sổ trực bác sĩ A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/0. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	10	
25	Sổ khám bệnh A3-2M (Nội trú)	42*29,7cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	6	
26	Sổ khám bệnh A3-2M (Ngoại trú)	42*29,7cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	6	
27	Sổ chuẩn đoán hình ảnh A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	30	
28	Sổ biên bản hội chẩn A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	5	
29	Sổ bàn khám Nội A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	10	
30	Sổ bàn khám YHCT-PHCN A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	3	
31	Sổ bàn khám TMH-RHM A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex	Quyển	3	

STT	Danh mục hàng hóa	Kích thước; Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
		250g/m2			
32	Sổ bàn khám Ngoại + Phụ sản A4-2M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	2	
33	Sổ khám sức khỏe định kỳ A5 - 2M	21*15cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	500	
34	Sổ theo dõi sức khỏe CBCNVC A5 - 2M	21*15cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	200	
35	Sổ chứng nhận nghỉ việc hưởng BHXH A4-1M	21*30cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	2	
36	Sổ phiếu lĩnh Văn phòng phẩm - Dụng cụ vệ sinh A4- 1M	21*29,7cm. Màu in ruột: 1/1. Giấy Bãi Bằng 70g/m2. Màu in bìa: 1/0. Giấy Duplex 250g/m2	Quyển	10	
Tổng 17 lô/ phần (Bao gồm 130 danh mục)					